TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THÁP MƯỜI
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 04/2018/HNGĐ-ST.
Ngày 31/01/2018.
V/v tranh chấp về hôn nhân và gia đình – Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁP MƯỜI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Văn Vững.

Ông Trần Quốc Tỷ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Lê Duy Khánh, Thư ký Tòa án Huyện.

Ngày 31 tháng 01 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án Huyện mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 380/2017/TLST–HNGĐ, ngày 08 tháng 11 năm 2017, về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình – Ly hôn.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2018/QĐXX – ST, ngày 12 tháng 01 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Nguyễn Thị Ngọc Đ, sinh năm 1994.

- Bị đơn: Ngô Văn Trí D, sinh năm 1982.

Địa chỉ: ấp 6B, xã Trường Xuân, huyện Tháp Mười, Đồng Tháp.

Chị Đ có mặt tại phiên tòa, anh D vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 23 tháng 10 năm 2017, chị Đ trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh D kết hôn vào năm 2013 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Trường Xuân.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng về sau thì phát sinh mâu thuẩn, vợ chồng hay cãi nhau. Hơn 02 năm nay chị và anh D sống ly thân. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên chị yêu cầu ly hôn với anh D.

Về con chung: Trong thời gian chung sống hạnh phúc với anh D, chị và anh D có 01 con chung tên Ngô Như H, sinh ngày 04/9/2014. Chị Đ yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh D cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tài liệu, chứng cứ mà chị Đ nộp cho Tòa án bao gồm:

- CMND (bản photo), trích lục giấy đăng ký kết hôn (bản chính), 01 giấy khai sinh (photo).

Tại phiên tòa, anh D vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Tài liệu, chứng cứ mà anh D nộp cho Tòa án bao gồm:

- 01 đơn xin xét xử vắng mặt (bản chính).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định;

[1] Về tố tụng: Anh D vắng mặt các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải là chưa chấp hành nghiêm quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ pháp luật: Chị Đ nộp đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh D; Về con chung chị Đ yêu cầu được nuôi dưỡng con chung tên Ngô Như H, sinh ngày 04/9/2014, không yêu cầu anh D cấp dưỡng; Về tài sản chung vợ chồng tự thỏa thuận và về nợ chung không có; thuộc thẩm quyền của giải quyết của Tòa án huyện Tháp Mười.

[3] Về hôn nhân: Chị Đ và anh D kết hôn năm 2013 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Trường Xuân.

Quá trình chung sống, chị Đ cho rằng thời gian đầu chung sống rất hạnh phúc nhưng thường xảy ra nhiều mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cự cải với nhau. Hơn 02 năm nay chị và anh D sống ly thân với nhau.

Do cuộc sống vợ chồng sống chung không hạnh phúc nên chị yêu cầu ly hôn với anh D.

Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã tống đạt Thông báo thụ lý vụ án số 1107/TB – TLVA, ngày 08 tháng 11 năm 2017 cho anh D, và anh D là người trực tiếp ký nhận. Nhưng anh D không trình bày ý kiến bằng văn bản, không đến tham dự các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Điều này chứng minh anh D không muốn đoàn tụ lại với chị Đ.

Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị Đ và anh D đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Đ là phù hợp.

[3] Về con chung: Chị Đ yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Ngô Như H, sinh ngày 04/9/2014, không yêu cầu anh D cấp dưỡng.

Cháu Như H sống chung với chị Đ từ nhỏ. Do đó, chị Đ yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Chị Đ, anh D có trách nhiệm nuôi dưỡng, chăm sóc, gíao dục con chung, không bên nào được quyền ngăn cấm. Sau khi ly hôn anh D được quyền thăm nom con mà không ai được quyền cản trở.

Chị Đ không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Đ không yêu cầu giải quyết về tài sản chung. Do đó, nếu anh D có phát sinh tranh chấp về vấn đề tài sản chung thì anh D được quyền khởi kiện chị Đ bằng vụ kiện khác.

[5] Về nợ chung: Không có.

[6] Về án phí: Chị Đ phải nộp 300.000đ tiền án phí hôn nhân và gia đình.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Đ, cho chị Đ ly hôn với anh D.

2. Về con chung: Chị Đ tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Ngô Như H, sinh ngày 04/9/2014. Anh D không cấp dưỡng nuôi con.

Chị Đ, anh D có trách nhiệm nuôi dưỡng, chăm sóc, gíao dục con chung, không bên nào được quyền ngăn cấm. Sau khi ly hôn anh D được quyền thăm nom con mà không ai được quyền cản trở.

3. Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí sơ thẩm: Chị Đ phải nộp 300.000đ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai số 01573 ngày 27/10/2017, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tháp Mười.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

6. Về quyền kháng cáo: Chị Đ được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh D vắng mặt được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

ký tên và đóng dấu

Lê Văn Ngọc

Nơi nhận:
- VKSND Huyện;
- THADS Huyện;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.